



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG LẦN 1 (SỐ 3)

LIST OF ACCREDITED TESTS, FIRST EXPANSION (NO. 3)

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: /QĐ-VPCNCLQG
ngày tháng 08 năm 2025 của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng
quốc gia/ of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm:	Phòng thử nghiệm Điện
Laboratory:	Electrical Lab
Tổ chức/ Cơ quan chủ quản:	Công ty TNHH CTIC Vietnam
Organization:	CTIC Vietnam Company Limited
Số hiệu/ Code:	VILAS 788
Chuẩn mực công nhận/ Accreditation criteria	ISO/IEC 17025:2017
Lĩnh vực:	Điện - Điện tử
Field:	Electrical - Electronic
Người quản lý/ Laboratory manager:	Mr. Bruce Cheung
Hiệu lực công nhận/ Period of Validation:	Từ ngày /08/2025 đến ngày 24/12/2026.
Địa chỉ/Address:	Số 103G1, đường Phạm Văn Đồng, phường Hưng Đạo, thành phố Hải Phòng, Việt Nam No. 103G1, Pham Van Dong Road, Hung Dao Ward, Hai Phong City, Vietnam
Địa điểm/Location:	Số 103G1, đường Phạm Văn Đồng, phường Hưng Đạo, thành phố Hải Phòng, Việt Nam No. 103G1, Pham Van Dong Road, Hung Dao Ward, Hai Phong City, Vietnam
Điện thoại/ Tel:	(+84) 225 3880 588
E-mail:	info@cticlab.com
Website:	http://www.cticlab.com

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG LẦN 1 (SỐ 3)

LIST OF ACCREDITED TESTS, FIRST EXPANSION (NO. 3)

VILAS 788

Phòng thử nghiệm Điện/ *Electrical Lab*

Lĩnh vực thử nghiệm: **Điện – Điện tử**

Field of testing: **Electrical - Electronics**

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
1.	Đồ chơi sử dụng nguồn điện <i>Electric Toys</i>	Kiểm tra các điều kiện chung bằng cách thực hiện các thử nghiệm liên quan: + Thử đảo cực pin /nguồn pin + Thử đồ chơi khi chịu điện áp định mức không thuận lợi nhất + Thử quá tải, thử rơi, thử lực kéo, thử lực kéo cho các đường may và vật liệu bao phủ pin <i>Check for general conditions by carrying out relevant tests:</i> + <i>Polarity reversal test of battery/ battery source test</i> + <i>Test of toy when subjected at most unfavorable rated voltage</i> + <i>Overload test, drop test, tension test, tension test for seams and material which covering batteries</i>	Tải trọng: 25 kg đến 3 tuổi 50 kg từ 3 tuổi trở lên Chiều cao ném rơi: 93 cm Lực kéo: 70 N <i>Weight:</i> <i>25 kg up to 3 years</i> <i>50 kg for 3 years and up</i> <i>Drop height 93 cm</i> <i>Tension force 70 N</i>	(b) GB/T 19865-2024 Clause 5
2.		Kiểm tra tiêu chí thử nghiệm rút gọn bằng cách thực hiện các thử nghiệm có liên quan: + Thử năng lượng của nguồn cung cấp + Kiểm tra khe hở không khí <i>Check for criteria for reduced testing by carrying out relevant tests:</i> + <i>Test the power of supplied source</i> + <i>Check clearance</i>	Đồ chơi điện tử công suất thấp: Công suất nguồn nhỏ hơn 15 W Khoảng khe hở $\geq 3,8 \text{ mm}$ <i>Low power e-Toys:</i> <i>Power source less than 15 W</i> <i>Clearance</i> $\geq 3,8 \text{ mm}$	(b) GB/T 19865-2024 Clause 6
3.		Kiểm tra cho sự lựa chọn các thử nghiệm bằng cách thực hiện các thử nghiệm liên quan: + Kiểm tra khả năng cách điện bắc cầu của pin + Đo điện áp pin với điện trở 1Ω <i>Check for selection of tests by carrying out relevant tests:</i> + <i>Bridging insulation capabilities test of battery</i> + <i>Measurement of battery voltage with 1Ω of resistor</i>	Điện áp pin $\leq 2,5 \text{ V}$, đo 1 giây với điện trở 1Ω <i>Battery Vol $\leq 2,5V$, measured 1 s with 1 Ω of resistor</i>	(b) TCVN 11332:2016 Clause 6

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG LẦN 1 (SỐ 3)

LIST OF ACCREDITED TESTS, FIRST EXPANSION (NO. 3)

VILAS 788

Phòng thử nghiệm Điện/ *Electrical Lab*

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
4.	Đồ chơi sử dụng nguồn điện <i>Electric Toys</i>	Kiểm tra thông tin ghi nhãn và hướng dẫn <i>Check for marking and instructions</i>	-	(b) GB/T 19865-2024 Clause 7
5.		Thử công suất vào <i>Power input test</i>	(a) Công suất đánh dấu $\leq 20\%$ (của máy biến áp) Công suất động cơ $\leq 20\text{ W}$ $\leq 20\%$ marked power (transformer). Motor power $\leq 20\text{ W}$	(b) GB/T 19865-2024 Clause 8
6.		Thử phát nóng và hoạt động không bình thường <i>Heating and abnormal operation test</i>	-	(b) GB/T 19865-2024 Clause 9
7.		Thử độ bền điện <i>Electric strength test</i>	-	(b) GB/T 19865-2024 Clause 10
8.		Kiểm tra đồ chơi điện được sử dụng trong nước và chất lỏng bằng cách thực hiện các thử nghiệm liên quan: + Thử đồ chơi dưới nước + Thử đồ chơi có nước đổ đầy vào thùng chứa <i>Check for electric toys used in water and liquid by carrying out relevant tests:</i> + <i>Test toys under water</i> + <i>Test toys with water filled into container</i>	-	(b) GB/T 19865-2024 Clause 11
9.		Thử độ bền cơ học <i>Mechanical strength test</i>	-	(b) GB/T 19865-2024 Clause 12
10.		Kiểm tra cấu trúc cơ học <i>Check for construction</i>	-	(b) GB/T 19865-2024 Clause 13
11.		Kiểm tra sự bảo vệ của dây và dây dẫn <i>Check for protection of cords and wires</i>	-	(b) GB/T 19865-2024 Clause 14

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG LẦN 1 (SỐ 3)

LIST OF ACCREDITED TESTS, FIRST EXPANSION (NO. 3)

VILAS 788

Phòng thử nghiệm Điện/ *Electrical Lab*

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
12.	Đồ chơi sử dụng nguồn điện <i>Electric Toys</i>	Kiểm tra ngoại quan các thành phần <i>Check for visual components</i>	-	(b) GB/T 19865-2024 Clause 15
13.		Kiểm tra vít và các mối nối <i>Check for screw and connections</i>	-	(b) GB/T 19865-2024 Clause 16
14.		Đo khe hở không khí và chiều dài đường rò <i>Measurement of clearances and creepage distances</i>	-	(b) GB/T 19865-2024 Clause 17
15.		Thử khả năng chịu nhiệt và chống cháy <i>Resistance to heat and fire test</i>	-	(b) GB/T 19865-2024 Clause 18
16.		Thử bức xạ và các mối nguy tương tự <i>Radiation and similar hazards test</i>	-	(b) GB/T 19865-2024 Clause 19
17.		Kiểm tra tính tuân thủ cho các bộ thử <i>Check for compliance for experimental sets</i>	-	(b) GB/T 19865-2024 Annex A
18.		Thử đốt cháy với ngọn lửa hình kim <i>Needle-flame test</i>	-	(b) GB/T 19865-2024 Annex B
19.		Thử chu kỳ hoạt động cho điều khiển và công tắc tự động <i>Operation cycle test for automatic controls and switches</i>	-	(b) GB/T 19865-2024 Annex C
20.		Thử ESD (phóng tĩnh điện) đồ chơi điện có mạch điện tử bảo vệ <i>ESD (electrostatic discharge) test for electric toys with protective electronic circuits</i>	-	(b) GB/T 19865-2024 Annex D (D.2.2 only)
21.		Thử đốt cháy với sợi dây nóng đỏ <i>Glow-wire flame test</i>	-	(a) ABNT NBR NM 300-6:2004 (E) Annex E
22.		Thử độ an toàn của đồ chơi điện kết hợp nguồn bức xạ quang học <i>Safety of electric toys incorporating optical radiation sources test</i>	-	(b) GB/T 19865-2024 Annex E (exclude 19.E.3)

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG LẦN 1 (SỐ 3)

LIST OF ACCREDITED TESTS, FIRST EXPANSION (NO. 3)

VILAS 788

Phòng thử nghiệm Điện/ *Electrical Lab*

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
23.	Đồ chơi sử dụng nguồn điện <i>Electric Toys</i>	Kiểm tra tính tuân thủ an toàn cho điều khiển từ xa đối với đồ chơi cưỡi chạy bằng điện, thực hiện các thử nghiệm liên quan sau: + Kiểm tra tự động dừng khi cắt giao tiếp không dây + Kiểm tra ngăn cản hoạt động lẫn nhau giữa các thiết bị (ảnh hưởng của điều khiển từ xa) + Kiểm tra cảnh báo và khai báo của nhà sản xuất (để tránh ảnh hưởng) <i>Check compliance for safety of remote controls for electric ride-on toys, to carry out relevant tests:</i> + <i>Check automatic stop upon wireless communication cut-off</i> + <i>Check prevention of mutual operation (influence of remote)</i> + <i>Check warning and manufacturer's declaration (for avoid of influence)</i>	-	(b) GB/T 19865-2024 Annex J
24.	Đồ chơi (dưới 14 tuổi) <i>Toys (under 14 years of age)</i>	Kiểm tra đồ chơi có thể tháo lắp pin <i>Check for battery-operated toys</i>	-	(a) ASTM F963-23 Section 4.25 (exclude 4.25.9.4)
25.	Sản phẩm gia dụng có chứa hoặc sử dụng pin nút hoặc pin dạng đồng xu <i>Household type products incorporate or may use button batteries or coin cells batteries</i>	Kiểm tra kết cấu cho sản phẩm có pin cúc áo/ pin đồng xu <i>Construction check for products with button / coin cell batteries</i>	-	(b) ANSI/UL 4200A-2023 Clause 5 16CFR1263.3-2024
26.		Kiểm tra nguy cơ rủi ro dẫn đến việc nuốt hoặc hít phải pin <i>Check for present a risk of ingestion or aspiration of batteries</i>	-	(b) ANSI/UL 4200A-2023 Clause 6 16CFR1263.3-2024
27.		Thử thả rơi cho thiết bị di động và sản phẩm cầm tay <i>Drop test for portable devices and hand-held products</i>	-	(b) ANSI/UL 4200A-2023 Clause 6.3.2 16CFR1263.3-2024

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG LẦN 1 (SỐ 3)

LIST OF ACCREDITED TESTS, FIRST EXPANSION (NO. 3)

VILAS 788

Phòng thử nghiệm Điện/ *Electrical Lab*

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
28.	Sản phẩm gia dụng có chứa hoặc sử dụng pin nút hoặc pin dạng đồng xu <i>Household type products incorporate or may use button batteries or coin cells batteries</i>	Thử va đập <i>Impact test</i>	Quả cầu thép/ <i>Steel sphere</i> Đường kính/ <i>Diameter: 50,8 mm (2 inches);</i> Khối lượng/Mass <i>0,5 kg (1,1 lb)</i>	(b) ANSI/UL 4200A- 2023 Clause 6.3.3 16CFR1263.3-2024
29.		Thử nghiền <i>Crush test</i>	Lực/ <i>Force</i> <i>(330 ± 5) N</i> <i>(74,2 ± 1,1) lbf</i> Thời gian/ <i>Time</i> <i>10 giây/seconds</i>	(b) ANSI/UL 4200A- 2023 Clause 6.3.4 16CFR1263.3-2024
30.		Thử mômen xoắn <i>Torque test</i>	Mômen/ <i>Torque</i> ≥ <i>0,50 N.m</i> <i>(4,4 in. lbf)</i>	(b) ANSI/UL 4200A- 2023 Clause 6.3.4A 16CFR1263.3-2024
31.		Thử kéo <i>Tension test</i>	Lực/ <i>Force</i> ≥ <i>72,0 N</i> <i>(16,2 lbf)</i>	(b) ANSI/UL 4200A- 2023 Clause 6.3.4B 16CFR1263.3-2024
32.		Thử sức ép <i>Compression test</i>	Lực/ <i>Force</i> ≥ <i>136 N</i> <i>(30,6 lbf)</i>	(b) ANSI/UL 4200A- 2023 Clause 6.3.4C 16CFR1263.3-2024
33.		Kiểm tra sự phù hợp bằng cách xem xét ngăn/ nắp chứa pin, viên pin có bị mở ra, vẫn hoạt động hay bị hở ra hay không khi có lực tác dụng <i>Check for compliance by considering battery compartment door /cover whether to be opened, remain functional or accessible when applying a force</i>	Lực/ <i>Force</i> <i>50⁺¹⁰ N</i> <i>(11.2^{+2.2} lbf)</i> Thời gian/ <i>Time</i> <i>10 giây/seconds</i>	(b) ANSI/UL 4200A- 2023 Clause 6.3.5 16CFR1263.3-2024
34.		Kiểm tra tính an toàn bằng cách xem xét viên pin có bị tung ra khỏi sản phẩm hay không khi có lực tác dụng <i>Test for secureness by considering button/ coin cell whether become separated from product when applying a force</i>	Lực/ <i>Force</i> <i>(20 ± 2) N,</i> <i>(4,5 ± 0,4) lbf</i> Thời gian/ <i>Time</i> <i>10 giây/seconds</i>	(b) ANSI/UL 4200A- 2023 Clause 6.4 16CFR1263.3-2024

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG LẦN 1 (SỐ 3)*LIST OF ACCREDITED TESTS, FIRST EXPANSION (NO. 3)***VILAS 788****Phòng thử nghiệm Điện/ *Electrical Lab***

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
35.	Sản phẩm gia dụng có chứa hoặc sử dụng pin nút hoặc pin dạng đồng xu <i>Household type products incorporate or may use button batteries or coin cells batteries</i>	Kiểm tra việc ghi nhãn <i>Markings check</i>	-	(b) ANSI/UL 4200A- 2023 Clause 7 16CFR1263.4-2024
36.		Thử độ bền ghi nhãn <i>Permanence of markings test</i>	-	(b) ANSI/UL 4200A- 2023 Clause 7D 16CFR1263.4-2024
37.		Kiểm tra hướng dẫn sử dụng, nếu có kèm theo <i>Check for instructions and manuals, if provided</i>	-	(b) ANSI/UL 4200A- 2023 Clause 9 16CFR1263.4-2024

Ghi chú/ *Note*:

- ASTM: Tiêu chuẩn hiệp hội vật liệu và thử nghiệm Hoa Kỳ/ *American Society for Testing and Materials*
- CFR: Quy định của Đạo luật liên bang về chất nguy hại/ *Federal Hazardous Substance Act Regulations*
- GB/T: Tiêu chuẩn quốc gia Trung Quốc/ *Chinese National Standards*
- ANSI: Viện Tiêu chuẩn Quốc gia Hoa Kỳ/ *American National Standards Institute*
- UL: Tiêu chuẩn UL/ *Underwriter Laboratory*
- (a): Phép thử cập nhật phương pháp trong Danh mục phép thử Phòng thử nghiệm Điện của quyết định số 1206/QĐ-VPCNCL ngày 10/6/2024)/ *Update method version tests in list of accredited tests of Electrical Lab of accreditation decision no. 1206/QĐ-VPCNCL dated 10/6/2024*
- (b): Phương pháp thử mở rộng/ *Extend tests method* (05.2025/ May 2025)

Trường hợp Công ty TNHH CTIC Vietnam cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Công ty TNHH CTIC Vietnam phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the CTIC Vietnam Company Limited that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*